

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chung

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 805/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 49b/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Quế Ch, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn Bình Thành, xã M, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Thái B, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Quế Ch trình bày:

Bà và ông Hồ Thái B kết hôn năm 2005 và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là phường H, thị xã N), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 217/2005 ngày 21/12/2005. Qua quá trình chung sống ông bà có với nhau hai con chung là Hồ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 30/01/2008 và Hồ Phúc Minh Kh, sinh ngày 05/10/2022. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau, mâu thuẫn về tiền bạc, ông B không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình mà chỉ biết chơi bài bạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hồ Thái B.

Về con chung: Bà Ch tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Hồ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 30/01/2008 và Hồ Phúc Minh

Kh, sinh ngày 05/10/2022 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Hồ Thái B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông B.

Bị đơn ông Hồ Thái B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Giao 02 con chung là Hồ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 30/01/2008 và Hồ Phúc Minh Kh, sinh ngày 05/10/2022 cho bà Trần Thị Quế Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ch không yêu cầu ông Hồ Thái B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch xác định không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/5/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Quế Ch có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Hồ Thái B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Hồ Thái B hiện cư trú tại: Tổ dân phố 04, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Quế Ch và ông Hồ Thái B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là phường H, thị xã N), tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 217/2005 ngày 21/12/2005 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Trần Thị Quế Ch trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà Ch với ông B không hạnh phúc do thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra kinh cãi vì tính tình hai bên không hợp nhau, mâu thuẫn về tiền bạc, ông B thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, ông B cố tình vắng mặt không đến Tòa, điều này đủ cơ sở xác định ông B không còn quan tâm đến bà Ch. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà Ch với ông B không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của bà Ch là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của bà Ch thì có hai con chung là Hồ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 30/01/2008 và Hồ Phúc Minh Kh, sinh ngày 05/10/2022. Bà Ch tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ và hiện 02 cháu đang ở với bà Ch. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Tr, cháu Kh cho bà Ch trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Quế Ch phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Quế Ch.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Quế Ch được ly hôn ông Hồ Thái B.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Hồ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 30/01/2008 và Hồ Phúc Minh Kh, sinh ngày 05/10/2022 cho bà Trần Thị Quế Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Hồ Thái B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hồ Thái B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Quế Ch phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Ch đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001690 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bà Ch đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND p. H, thị xã N
- GCNKH số: 217 ngày 21/12/2005;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh